

Tiếng Việt
Chương trình chỉ số huyết thanh RQ9194

XÁC NHẬN ĐẶC ĐIỂM CỦA BỘ SẢN PHẨM VÀ NGÀY NHẬN

Vui lòng xác nhận rằng có đúng số lượng và mẫu của bạn có hình dạng như được chỉ ra trong phần ĐẶC ĐIỂM bên dưới. Vui lòng xác nhận rằng không có lọ nào bị hỏng và thông báo ngay cho đại diện Randox tại địa phương của bạn nếu có bất kỳ sự khác biệt nào. Cuối cùng, vui lòng đăng nhập vào www.riqas.net để xác nhận chính xác ngày bạn nhận được bộ sản phẩm này.

ĐẶC ĐIỂM

Một hộp chứa 9 lọ mẫu đông khô, mỗi lọ dung tích 1 ml. Các lọ được dán nhãn để đánh số thứ tự mẫu.

CHUẨN BỊ/BẢO QUẢN/ĐỘ ỔN ĐỊNH

Các mẫu được niêm phong trong chân không. Mở lọ thật cẩn thận, tránh thất thoát nguyên liệu và sử dụng pipet đã hiệu chuẩn, hoàn nguyên với thể tích 1 ml nước cất hai lần ở **+20°C đến +25°C**. Đậy nút cao su, đậy kín lọ và để yên **trong 30 phút tránh ánh sáng** trước khi sử dụng. Đảm bảo rằng chất đông khô được hòa tan hoàn toàn bằng cách xoay nhẹ. Đừng lắc lọ. Vui lòng phân tích mẫu trong vòng 2 ngày kể từ ngày pha. Các mẫu phải được xử lý giống như cách xử lý mẫu bệnh phẩm. Mẫu phải được bảo quản ở nhiệt độ 2 - 8°C khi không sử dụng.

Bilirubin trong huyết thanh nhạy cảm với ánh sáng nên cần bảo quản huyết thanh ở nơi tối.

Sự nhiễm khuẩn của huyết thanh sau khi hoàn nguyên sẽ làm giảm độ ổn định của nhiều thành phần.

AN TOÀN

Nguồn gốc của sản phẩm này là từ huyết thanh người, đã được thử nghiệm ở cấp độ người hiến tặng để tìm kháng thể Virus gây suy giảm miễn dịch ở người (HIV 1, HIV 2), kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HbsAg), kháng thể Virus viêm gan C (HCV) và Anti-Treponema (Bệnh giang mai) và được phát hiện là KHÔNG PHÂN ƯỚNG. Các phương pháp được FDA chấp thuận đã được sử dụng để tiến hành các thử nghiệm này. Tuy nhiên, vì không có phương pháp nào có thể đảm bảo hoàn toàn về việc không có tác nhân lây nhiễm nên vật liệu này và tất cả các mẫu bệnh phẩm phải được xử lý như thể có khả năng truyền bệnh truyền nhiễm và được xử lý phù hợp.

Vui lòng vứt bỏ tất cả các vật liệu sinh học và hóa học theo hướng dẫn của địa phương.

Chỉ sử dụng trong **IN VITRO**.

*** LƯU Ý QUAN TRỌNG:** Kết quả phải đến RIQAS trước **17:00 giờ GMT vào NGÀY CUỐI CÙNG**. Nếu **NGÀY PHÂN TÍCH ĐƯỢC KHUYẾN NGHỊ** không đủ thời gian, chúng tôi khuyến bạn nên phân tích mẫu sớm hơn để đảm bảo bạn đáp ứng đúng thời hạn. Kết quả muộn sẽ không được chấp nhận sau ngày cuối cùng của mẫu tiếp theo.

SERUM INDICES PROGRAMME / PROGRAMME HIL / PROGRAMMA INDICI SIERO / PROGRAMA ÍNDICES SÉRICOS / PROGRAMA ÍNDICES DE SORO / 血清学指数计划 / PILOTAZOWY PROGRAM WSKAŹNIKI SUROWICY /SERUM INDEKSLERŹ PROGRAMI / PROGRAM HIL RETURN OF RESULTS / DATES de RETOUR / INVIO DEI RISULTATI / ENVIO DE RESULTADOS / PRZESYLANIE WYNIKÓW / 回复结果 / SONUÇ GÖNDERİM TARİHLERİ / ตรวจจับการส่งผล RIQAS/ ODOSLANIE VÝSLEDKOV / PREDLOŽITEV REZULTATOV CYCLE 3A / CICLO 3A / RESULTATER 3A / CYKL ZWROTU WYNIKÓW 3A / 返回结果周期 3A / DŮNEM 3A / รอบ 3A / CYKLUS 3A			
SAMPLE NO / ECHANTILLON NO. / N. CAMPIONE / N° DE MUESTRA / AMOSTRA Nº / 样品号 / NR PRŮBKŮ / ŮRNEK NO / ตัวอย่างที่ / ๓. VZORKY / ŠTEVILO VZORCI	RECOMMENDED ANALYSIS DATE/ DATE RECOMMANDE POUR L' ANALYSE/ DATA DI ANALISI RACCOMANDATA/ FECHA DE ANALISIS RECOMENDADA/ DATA RECOMENDADA PARA ANÁLISE/ ZALECANA DATA WYKONANIA OZNACZENIA/ 推荐分析日期/ ÖNERİLEN ANALİZ TARİHİ/ ODPORÚČANÝ DÁTUM ANALÝZY/ PRIPOROČENI DATUM ANALIZE/ วันที่แนะนำให้ทำการวิเคราะห์/ PRIPOROČENI DATUM ANALIZE / ODPORÚČANÝ DÁTUM ANALÝZY	* FINAL DATE/ *DATE LIMITE/ * DATA FINALE/ *FECHA FINAL/ * DATA FINAL/ * DATA KOŃCOWA * 最终日期 / SON SONUÇ * GÖNDERİM TARİHİ/ * วันที่ส่งผลการส่งผล/ * FINÁLNÝ DÁTUM/ * KONČNI DATUM	
A1	09.10.23	16.10.23	
A2	09.10.23	16.10.23	
A3	09.10.23	16.10.23	
B4	04.12.23	11.12.23	
B5	04.12.23	11.12.23	
B6	04.12.23	11.12.23	
C7	05.02.24	12.02.24	
C8	05.02.24	12.02.24	
C9	05.02.24	12.02.24	

